



Số: 0032(3)-04.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu vào hệ thống xử lý nước sinh hoạt
Ngày lấy mẫu : 29/03/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT10/02/29.03.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (31,2°C)	-	6,95	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	30,1	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	78,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,50	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,34	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,90	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0032(3)-04.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại cửa xả nước thải
Ngày lấy mẫu : 29/03/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT11/02/29.03.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (31,0°C)	-	7,18	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	35,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	62,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	33,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,13	1,0	12	TCVN 5988:1995
8	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,21	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,09	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

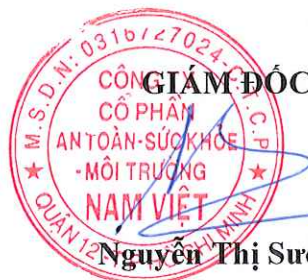
^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.